TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẨM KHÊ** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 11/2019/QĐST-HNGĐ	*Cẩm Khê, ngày 27 tháng 12 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 07/2019/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2019 giữa:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1975
- Bị đơn: Chị Bùi Thị M, sinh năm 1985

Cùng địa chỉ: Khu 14, xã Đ, huyện C, tỉnh Phú Thọ

Căn cứ vào điều 212; điều 213 và khoản 3 điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào điều 55, điều 58 của Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 7 điều 26, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 luật thi hành án dân sự.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 20 tháng 12 năm 2019

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Nguyễn Văn T và chị Bùi Thị M.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Chị Bùi Thị M trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Thị Hồng N- sinh ngày 14/7/2008 và Nguyễn Tiến D- sinh ngày 14/7/2012. Anh Nguyễn Văn T trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Quốc T- sinh ngày 29/9/2002. Anh Nguyễn Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị M là 1.500.000đ/ 02 con chung/ tháng, kể từ tháng 01 năm 2020 cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Phương thức cấp dưỡng theo định kỳ hàng tháng.

Các bên có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

2.2. Về tài sản chung; quyền, nghĩa vụ chung về tài sản và công sức: Anh T và chị M không yêu cầu Toà án giải quyết.

2.3. Về án phí: Anh Nguyễn Văn T xin chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) anh T đã nộp tại biên lai thu tiền số 0003417 ngày 06/12/2019, của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ. Anh T đã nộp đủ tiền án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Cẩm Khê;
- THADS huyện Cẩm Khê;
- UBND xã Đ;
- Lưu HS, VP.

THẨM PHÁN

Lương Ngọc Dũng